TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Đỗ Thị Nhài và anh Trịnh Văn Hệ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu;

2. Ông Phạm Đức Hiển.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX - ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nh, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ: Tổ 15, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông H, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Thôn Phù S, xã Tự T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2022, bản tự khai đề ngày 11 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Nh trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai vào ngày 03 tháng 10 năm 2001. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn 6, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chung sống bình thường được đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, hay uống rượu, gây sự với chị. Giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị đã cho anh H rất nhiều cơ hội nhưng anh H không thay đổi. Hai bên có quan điểm và suy nghĩ khác nhau nên cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không hạnh phúc. Từ cuối năm 2018, anh H đã về thôn Phù S, xã Tự T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (là quê hương của anh H) sinh sống. Chị và anh H đã sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Bản thân chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn H.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 04 con chung là Trịnh Ngọc S, sinh ngày 15/01/2001; Trịnh Thị Thanh H, sinh ngày 14/01/2003; Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 20/8/2009 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/8/2009. Do hai con S và H đều đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Thị Thu H sau khi chị và anh H ly hôn và không yêu cầu anh Hệ cấp dưỡng nuôi con H. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng trên 09 triệu đồng/tháng. Do con Trịnh Quang H được anh H đưa về sinh sống cùng anh H ở xã Tự T, huyện Vũ Thư từ năm 2018 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con H.

1.3 Về quan hệ tài sản: Chị và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung; vợ chồng không có khoản vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 24 tháng 10 năm 2022, bị đơn là anh Trịnh Văn H trình bày:

2.1 Anh và chị Nh được tìm hiểu nhau rất kỹ trước khi tiến tới kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng các con sống với nhau rất hạnh phúc. Hai bên không có mâu thuẫn gì. Do anh có bố mẹ già, ngoài 80 tuổi, anh trai của anh mới chết nên từ khoảng năm 2020, anh chuyển về xã Tự T, huyện Vũ Thư sinh sống để tiện cho việc chăm sóc bố mẹ. Anh đã bàn bạc, động viên chị Nh về cùng anh để chăm sóc và dạy bảo con cái nhưng chị Nhài không nghe lời anh và không về cùng bố con anh. Hiện chị Nh vẫn sinh sống ở Gia Lai. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh của chị Nh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị Nh. Anh không muốn các con phải sống trong cảnh có bố mà không có mẹ. Trường hợp chị Nh vẫn quyết định xin ly hôn anh thì anh cũng đành chấp nhận.

2.2 Về quan hệ con chung: Anh H không đồng ý ly hôn nên không trình bày quan điểm về con chung. Hiện anh lao động tự do, thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng.

2.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 14 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị Kh (là mẹ đẻ của chị Nh) trình bày:

Chị Đỗ Thị Nh và anh Trịnh Văn H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai vào năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai, gần nhà bà. Hai bên chung sống bình thường cho đến cuối năm 2008 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn, hay rượu chè, mắng chửi vợ con. Chị Nh đã nín nhịn, bỏ qua cho anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Chị Nh và anh H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị Nh khởi kiện xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị Nh để chị Nh ổn định cuộc sống.

Về con chung: Cháu S và cháu H đã thành niên. Còn cháu H đang ở với chị Nh, cháu H đang sống cùng anh Hệ. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được quyền nuôi dưỡng cháu H. Chị Nh đang làm công nhân, thu nhập khoảng 09 triệu đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi cháu H.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị Nh không có tài sản chung và cũng không có khoản nợ chung.

4. Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 14 tháng 11 năm 2022, ông Trịnh Xuân H (là bố đẻ của anh H) trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng anh H chung sống tại xã Ia Tô, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Do vợ chồng ông đều đã già yếu nên khoảng từ đầu năm 2020, anh H đã về xã Tự Tân làm ăn, sinh sống để tiện cho việc chăm sóc cha mẹ già. Từ đó đến nay, anh H và gia đình ông đã động viên, bảo ban chị Nh rất nhiều lần, mong muốn chị Nh về cùng anh H để chăm sóc con cái, phụng dưỡng cha mẹ nhưng chị Nh kiên quyết không quay về. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên kể từ đó, anh H và chị Nh sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chị Nh khởi kiện xin ly hôn anh H, tùy chị Nh quyết định, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Hiện cháu S và cháu H đã thành niên. Còn cháu H đang ở với chị Nh, cháu H đang sống cùng anh H. Tòa án đã yêu cầu anh H đưa cháu H đến Tòa án làm việc và cháu H có nói lại với ông về việc cháu có nguyện vọng được ở với bố (anh H) và không muốn đến Tòa án. Ông đề nghị Tòa án không lấy lời khai của cháu H vì có thể gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu H. Anh H đang làm công nhân, thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản: Vợ chồng chị Nh, anh H không có tài sản chung và cũng không có khoản nợ chung.

5. Biên bản xác minh ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Tự Tân, huyện Vũ Thư thể hiện: Do chị Nh và anh H không cùng sinh sống tại địa phương nên địa phương không rõ mâu thuẫn cụ thể. Tuy nhiên anh H đã đưa cháu H về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phù S, xã Tự Tân khoảng 02 năm trở lại đây. Từ đó đến nay, chị Nh không chung sống cùng anh H. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H của chị Nh, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Địa phương không nắm được tài sản chung của vợ chồng chị Nh, anh H. Anh chị không có khoản vay nợ chung tổ chức xã hội nào của địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định nhưng đã có bản tự khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Nh được ly hôn anh Trịnh Văn H.

Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 20/8/2009; giao cho anh Trịnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Quang H, sinh ngày 20/8/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đối với con Trịnh Ngọc S, sinh ngày 15/01/2001 và Trịnh Thị Thanh H, sinh ngày 14/01/2003 là con chung của chị Nh và anh H nhưng đều đã thành niên, không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Do chị Nh, anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị Nh khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trịnh Văn H có nơi cư trú tại thôn Phù S, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnhThái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Đỗ Thị Nh và anh Trịnh Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Tô, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai ngày 03 tháng 10 năm 2001 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn nơi làm ăn, sinh sống. Chị Nh và anh H đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi từ khoảng đầu năm 2020 đến nay. Chị Nh xác định không còn tình cảm đối với anh H, vợ chồng có chung sống với nhau thì cũng không thể có hạnh phúc. Bản thân anh H mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để đoàn tụ nhưng không tìm được biện pháp để giải quyết những mâu thuẫn tồn tại trong cuộc sống vợ chồng. Lời khai của bà Kh (là mẹ đẻ chị Nh) thể hiện: giữa chị Nh và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhiều lý do và đã kéo dài nhiều năm nay. Lời khai của ông H (là bố đẻ anh H) thể hiện chị Nh và anh H đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu năm 2020 đến nay và chị Nh kiên quyết không về chung sống cùng anh H.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị Nh và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Đỗ Thị Nh được ly hôn anh Trịnh Văn H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Thị Thu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con H. Tại Sao kê tài khoản của chị Nh thể hiện: Thu nhập trung bình tháng 8/2022, tháng 9/2022 và tháng 10/2022 của chị Nh là trên 11 triệu đồng/tháng. Bản thân cháu H đã trình bày nguyện vọng: Sau khi chị Nh và anh H ly hôn, cháu mong muốn được sống cùng chị Nh. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giao cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con H. Chị Nh không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Đối với cháu Trịnh Quang H, Tòa án đã yêu cầu anh H đưa cháu H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến về nguyện vọng của cháu nhưng anh H không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án. Đại diện gia đình anh H cung cấp cháu H có nguyện vọng được ở cùng anh H và đề nghị Tòa án không lấy lời khai của cháu H vì có thể gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu H. Xét thấy, cháu H hiện đang sinh sống cùng anh H, chị Nh không tranh chấp nuôi con Huy với anh H. Vì vậy, cần giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H là phù hợp.

Đối với cháu Trịnh Ngọc S, sinh ngày 15/01/2001 và Trịnh Thị Thanh H, sinh ngày 14/01/2003 là con chung của chị Nh và anh H nhưng đều đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[**2.3**] **Về tài sản**: Chị Đỗ Thị Nh và anh Trịnh Văn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Đỗ Thị Nh được ly hôn anh Trịnh Văn H.

2. **Về quan hệ con chung:**

2.1 Đối với con Trịnh Ngọc S, sinh ngày 15/01/2001 và Trịnh Thị Thanh H, sinh ngày 14/01/2003 là con chung của chị Nh và anh H nhưng đều đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.2 Xử giao cho chị Đỗ Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 20/8/2009; giao cho anh Trịnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Quang H, sinh ngày 20/8/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nh và anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị Nh, anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.**Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp tại biên lai số 0008611 ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia G, tỉnh Gia Lai thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Nh và anh Trịnh Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Lý